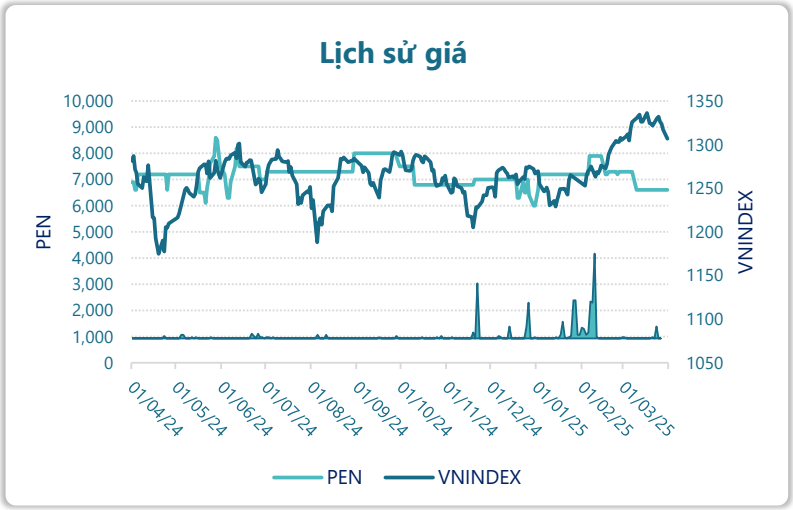
FireAnt

CTCP Xây lắp III Petrolimex (HNX: PEN)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
SL cổ phiếu LH	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	33
P/E	
EPS	

DT thuần

Q1/25

51.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.9| 131%

LN sau thuế

Q1/25

-1.68

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.82| 32.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.3%

+/- YoY: ▲ 7.9%

DT thuần

2024

268

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 134| 100%

LN sau thuế

2024

1.01

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.5| 107%

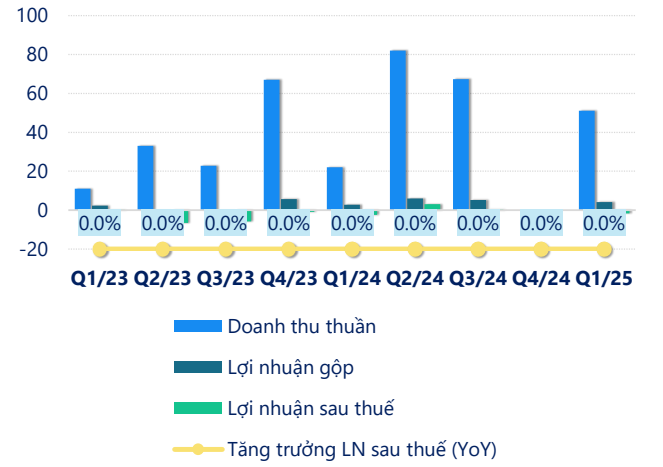
ROE

2024

1.8%

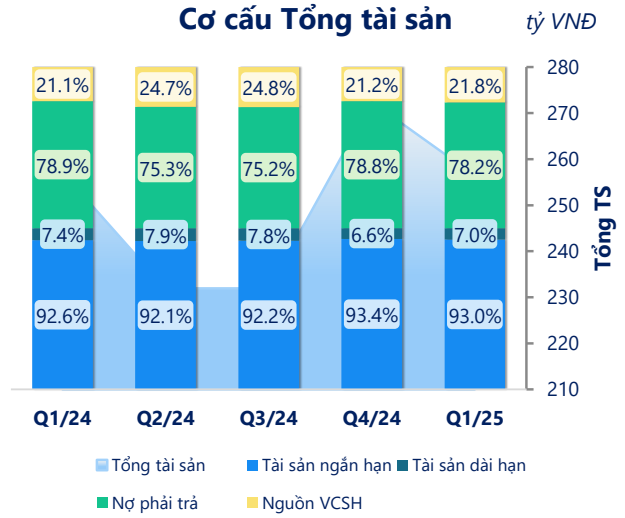
+/- YoY: ▲ 25.7%

Kết quả kinh doanh



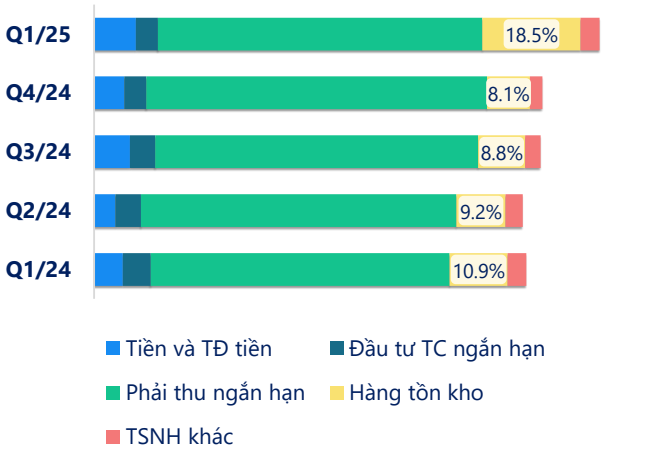
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



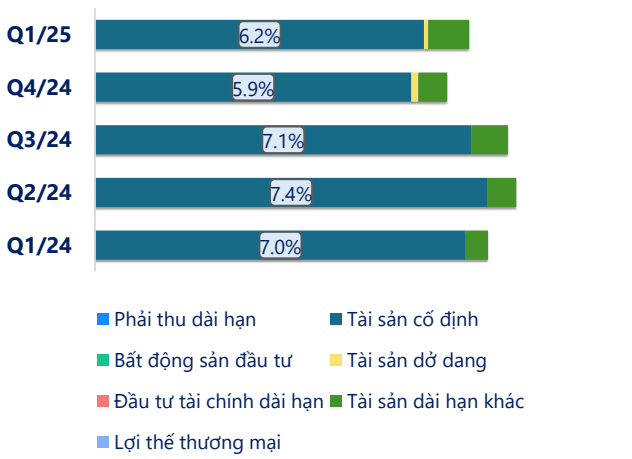
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



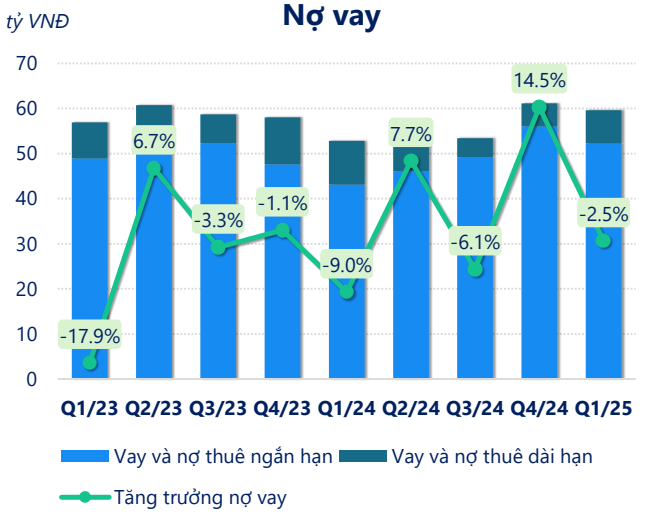
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



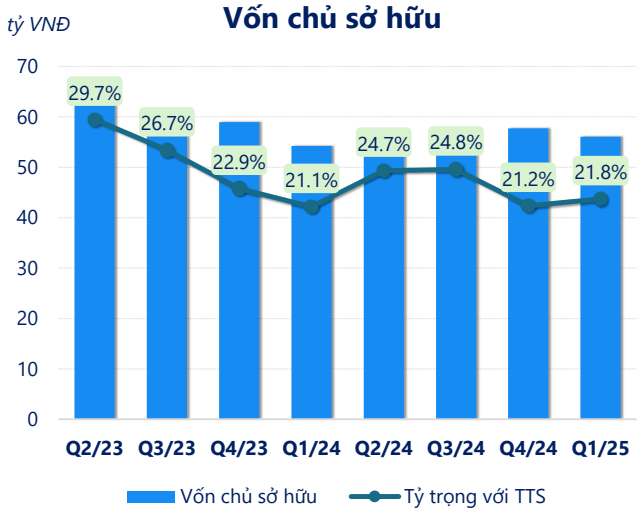
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

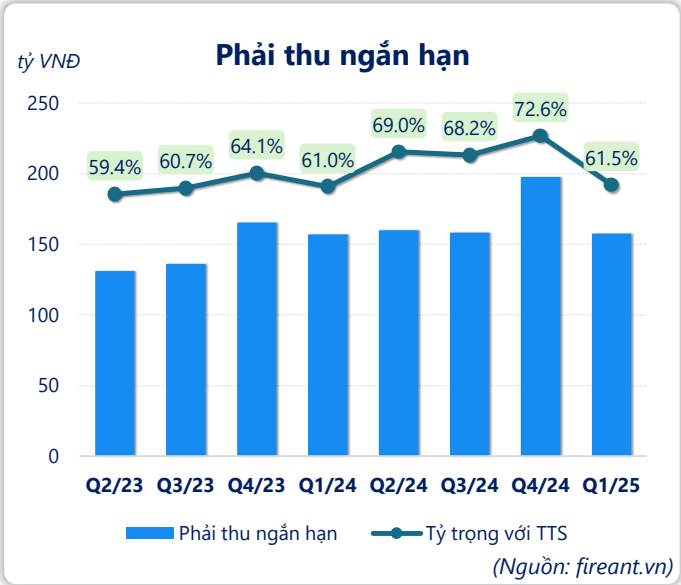


(Nguồn: fireant.vn)

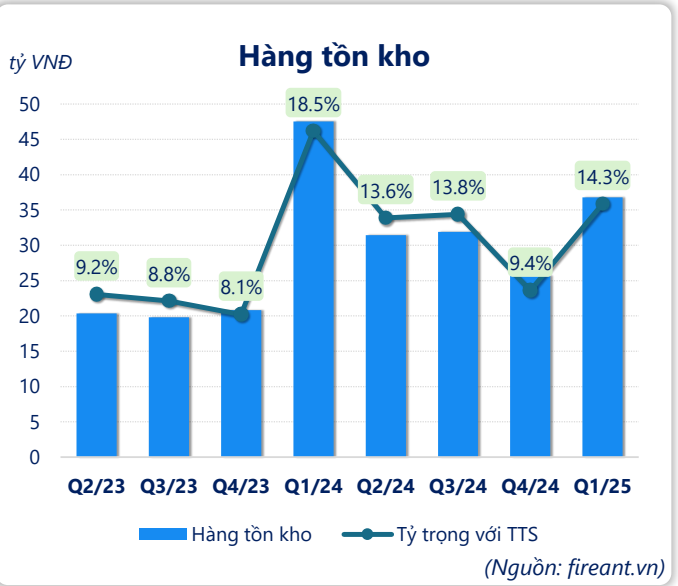
Vốn chủ sở hữu



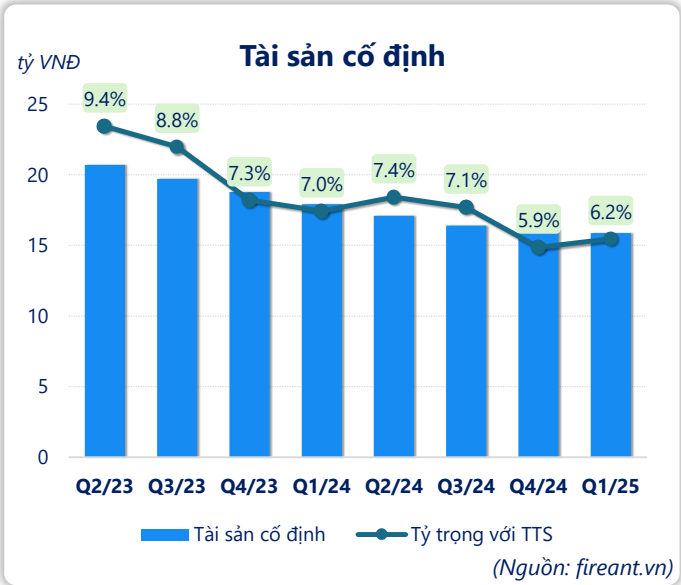
(Nguồn: fireant.vn)



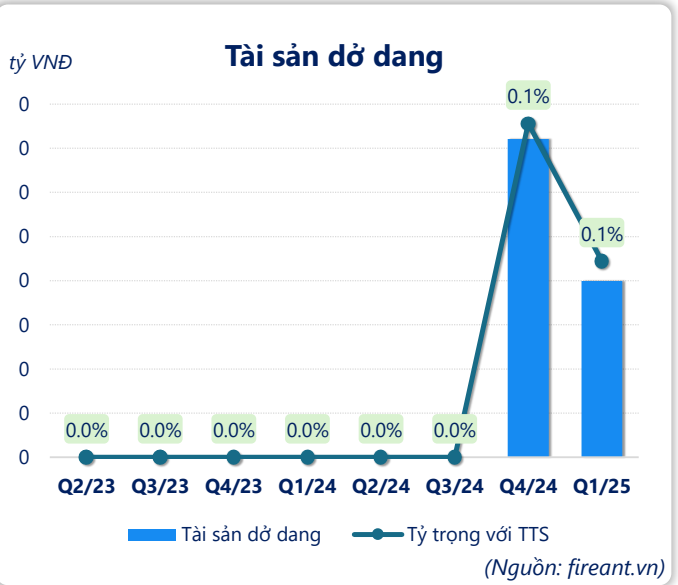
(Nguồn: fireant.vn)



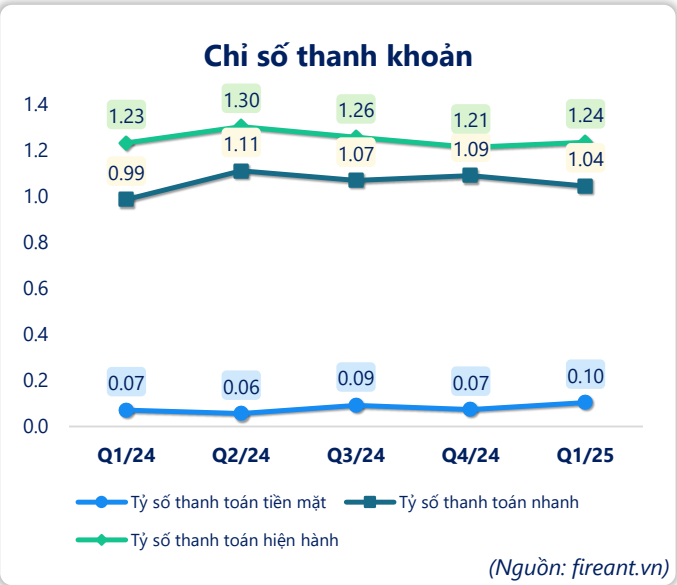
(Nguồn: fireant.vn)



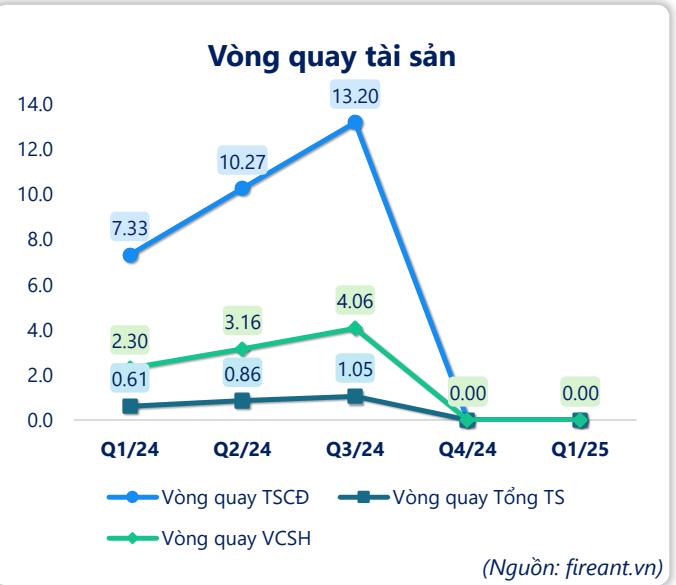
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**257**	**232**	**232**	**272**	**256**
Tài sản ngắn hạn	**238**	**214**	**214**	**254**	**238**
Tiền và tương đương tiền	13.8	9.24	15.6	15.4	20.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.7	6.53	1.35	9.16	17.2
Phải thu ngắn hạn	157	160	158	198	158
Hàng tồn kho	47.5	31.4	31.9	25.7	36.8
Tài sản ngắn hạn khác	9.10	6.37	6.75	6.35	6.69
Tài sản dài hạn	**19.0**	**18.4**	**18.0**	**18.1**	**18.0**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	17.9	17.1	16.4	16.2	15.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.36	0.20
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.08	1.28	1.59	1.49	1.97
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**203**	**175**	**174**	**215**	**200**
Nợ ngắn hạn	**193**	**164**	**170**	**210**	**193**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.1	46.1	49.2	56.1	52.2
Phải trả người bán ngắn hạn	5.24	7.70	17.4	35.7	20.7
Nợ dài hạn	9.79	10.9	4.26	5.14	7.47
Vay và nợ thuê dài hạn	9.74	10.8	4.21	5.09	7.42
Nguồn vốn chủ sở hữu	**54.2**	**57.2**	**57.5**	**57.7**	**56.0**
Vốn chủ sở hữu	**54.2**	**57.2**	**57.5**	**57.7**	**56.0**
Vốn điều lệ	50.0	50.0	50.0	50.0	50.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)